

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 12/03/2019)
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc ngày 12/03/2019)
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/02/2018)
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Phan Việt Linh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)

36'
ĐN
TN
OÁI
VI
P

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Trần Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Số: 19.291HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Văn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1



Nguyễn Vĩnh Thụy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3590-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.035.064.706	613.017.019.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	56.955.209.492	58.010.548.583
1. Tiền	111		55.314.082.492	44.941.034.694
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.641.127.000	13.069.513.889
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	13.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		452.241.719.999	502.612.592.952
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	354.193.639.353	414.189.079.933
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	12.871.391.568	11.411.415.833
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		800.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	86.884.151.714	79.519.559.822
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	89.859.840.857	50.948.918.563
1. Hàng tồn kho	141		89.867.278.655	50.956.356.361
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(7.437.798)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.978.294.358	1.444.959.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		897.430.312	837.814.468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		905.838.703	607.144.939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	1.175.025.343	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.878.457.277	91.123.647.596
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		793.832.301	98.629.088
1. Phải thu dài hạn khác	216		793.832.301	98.629.088
II. Tài sản cố định	220		63.470.003.955	62.624.805.875
1. Tài sản cố định hữu hình	221		52.773.111.734	54.869.465.703
Nguyên giá	222	4.7	164.345.700.631	142.233.985.543
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.572.588.897)	(87.364.519.840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	10.257.870.024	7.621.735.220
Nguyên giá	225		13.935.461.726	7.839.499.083
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.677.591.702)	(217.763.863)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	439.022.197	133.604.952
Nguyên giá	228		1.769.488.454	1.412.657.734
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.330.466.257)	(1.279.052.782)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	4.10	30.737.347.990	3.110.890.029
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		30.737.347.990	3.110.890.029
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	6.175.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.860.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		315.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		32.702.273.031	25.289.322.604
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	32.419.567.193	25.100.559.270
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		282.705.838	188.763.334
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		748.913.521.984	704.140.667.101

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		606.700.660.936	565.484.982.554
I. Nợ ngắn hạn	310		602.568.928.826	561.338.241.787
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	215.825.096.803	214.340.078.205
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	35.959.100.561	22.246.903.052
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	8.390.862.706	23.587.588.437
4. Phải trả người lao động	314	4.15	4.834.641.566	7.441.785.332
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	6.130.121.661	13.525.519.362
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.17	6.072.816.674	5.138.148.717
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	9.970.802.718	12.777.324.772
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	315.385.486.137	262.280.893.910
II. Nợ dài hạn	330		4.131.732.110	4.146.740.767
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.16	127.219.542	188.299.108
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	4.004.512.568	3.958.441.659
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.212.861.048	138.655.684.547
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20.1	142.212.861.048	138.655.684.547
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.20.2	98.999.060.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		98.999.060.000	90.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.440.139.770	891.511.252
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.734.994.043	35.027.685.123
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		14.098.630.995	6.060.945.381
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.636.363.048	28.966.739.742
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.038.667.235	12.736.488.172
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		748.913.521.984	704.140.667.101



Trần Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	984.110.906.401	973.603.854.227
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		494.004.743	419.197.127
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		983.616.901.658	973.184.657.100
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	846.497.269.900	811.429.934.948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.119.631.758	161.754.722.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.555.106.739	2.405.320.592
7. Chi phí tài chính	22	5.4	21.228.783.862	16.327.094.411
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		19.988.975.869	15.819.258.340
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	35.684.670.458	50.100.624.175
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	79.523.580.674	77.451.173.003
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.237.703.503	20.281.151.155
11. Thu nhập khác	31	5.7	12.142.853.944	10.495.570.658
12. Chi phí khác	32		1.175.578.050	1.081.652.206
13. Lợi nhuận khác	40		10.967.275.894	9.413.918.452
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.204.979.397	29.695.069.607
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.347.607.091	3.008.529.145
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		98.277.847	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.759.094.460	26.686.540.462
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.636.363.048	24.717.020.379
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.122.731.412	1.969.520.083
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	1.234	2.497
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.5	1.234	2.497



Trần Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.204.979.397	29.695.069.607
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	30.883.303.687	27.959.771.483
Các khoản dự phòng	03		-	(3.925.139.661)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(280.323.460)	(109.160.664)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.840.281.915)	2.177.738.301
Chi phí lãi vay	06	5.4	19.988.975.869	15.819.258.340
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		62.956.653.579	71.617.537.406
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.533.396.584)	(174.090.965.056)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(54.611.276.792)	123.062.931.331
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		55.854.309.980	(48.882.299.348)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(7.378.623.767)	(11.880.842.494)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(13.000.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.988.975.869)	(15.846.255.276)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(3.485.880.527)	(1.844.598.205)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.003.308.261)	(27.933.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(190.498.241)	(57.892.425.420)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(48.646.191.775)	(27.281.769.005)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.078.716.568	7.827.297.863
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(300.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.175.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.150.000.000	100.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.092.368.486	2.152.746.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.690.106.721)	(17.201.724.872)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.200.000.000	9.374.640.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	758.650.562.318	623.223.019.777
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(698.678.184.336)	(545.958.199.112)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(6.821.714.846)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.518.964.125)	(12.035.507.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.831.699.011	74.603.953.390
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(1.048.905.951)	(490.196.902)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		58.010.548.583	58.442.904.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6.433.140)	57.840.841
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	56.955.209.492	58.010.548.583



Trần Anh Tuấn
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2019.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 98.999.060.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	19,07	17.162.670.000	19,07
Cổ đông khác	Việt Nam	80.120.130.000	80,93	72.837.330.000	80,93
Cộng		98.999.060.000	100,00	90.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b- 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2018 là 319 (31/12/2017 là: 307).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tối 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2018, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 04 công ty con trực tiếp. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư thêm 03 công ty con trực tiếp để cấu trúc nên hình thức sở hữu gồm công ty mẹ và 07 công ty con trực tiếp.

1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, số 92, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	71%	71%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	Tầng 8, Tòa nhà Loyal, số 151 đường Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	73%	73%
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%
4.	Công ty CP Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	61%	61%
5.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	90%
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	97,83%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất (tiếp theo)**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
7.	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%

1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%
2.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	28,82%
3.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	68,75%
4.	Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Số 54a ngõ 218 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20%	4,50%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất (Tiếp theo)

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Các ước tính kế toán.

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu HĐQT phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của HĐQT, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu HĐQT phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của HĐQT dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.5 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2018

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là 3 năm.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc phân chia doanh thu của hợp đồng:

Bên cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

3.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí thành lập doanh nghiệp, giá vốn công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được phân bổ theo thời hạn thuê trong 30 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.18. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

3.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.21. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.22. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi;
- Được miễn thuế đối với thu nhập từ dự án "Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống" tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.23. Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ;

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Công ty được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017 để thực hiện dự án "Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống" tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.23. Thuế (Tiếp theo)

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Tập đoàn có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Tập đoàn được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.26. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	9.002.755.860	394.542.521
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.311.326.632	44.546.492.173
Các khoản tương đương tiền	1.641.127.000	13.069.513.889
Cộng	56.955.209.492	58.010.548.583

Tương đương tiền là khoản tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 5,0%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh là khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty TNHH Một thành viên Yamagata với số lượng 130.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Các trái phiếu này đã được Tập đoàn chuyển nhượng toàn bộ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS) vào ngày 28/01/2019.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ Phần Công nghệ Mideas	2.400.000.000	2.400.000.000	-	-
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000	1.960.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	400.000.000	400.000.000	-	-
Cộng	5.860.000.000	5.860.000.000	-	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh	315.000.000	-	-	-
Cộng	315.000.000	-	-	-

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	462.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	72.446.232.597	160.539.854.458
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại Giao	36.203.153.580	36.203.153.580
Tập Đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội	11.071.549.500	32.455.399.350
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST	41.312.890.250	231.500.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	9.120.862.000	-
Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài - Chi Nhánh Tổng	8.992.280.273	-
Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	174.584.671.153	184.759.172.545
Các khách hàng khác		
Cộng	354.193.639.353	414.189.079.933

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bò Cầu	2.166.893.244	-
ler Pte Ltd	1.519.927.804	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm và Hỗ trợ Công nghệ	1.166.079.956	1.299.528.656
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	-	2.065.566.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	106.054.214	1.627.534.977
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Hưng Phát	28.162.216	1.498.170.984
Các nhà cung cấp khác	7.884.274.134	4.920.614.576
Cộng	12.871.391.568	11.411.415.833

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	5.107.950.479	-	5.454.900.602	-
Ký cược, ký quỹ	71.566.906.443	-	68.145.707.303	-
Phải thu khác	10.209.294.792	-	5.918.951.917	-
Cộng	86.884.151.714	-	79.519.559.822	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	4.391.532.578	-	7.301.124.984	-
Hàng tại kho Tập đoàn	7.764.425.073	(7.437.798)	6.071.032.568	(7.437.798)
Hàng đã xuất kho triển khai	58.439.743.397	-	22.735.345.978	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	768.950.544	-	632.211.057	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.905.089.993	-	1.735.378.150	-
Công cụ, dụng cụ	9.262.959	-	26.752.959	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.533.880.936	-	12.400.117.490	-
Cộng	89.867.278.655	(7.437.798)	50.956.356.361	(7.437.798)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	15.138.594.055	102.562.827.294	23.396.580.371	1.135.983.823	142.233.985.543
Mua trong kỳ	1.285.911.600	26.505.202.415	-	30.181.818	27.821.295.833
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	4.236.799.464	-	4.236.799.464
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.881.555.209)	-	-	(9.881.555.209)
Giảm khác	-	-	(64.825.000)	-	(64.825.000)
Tại ngày 31/12/2018	16.424.505.655	119.186.474.500	27.568.554.835	1.166.165.641	164.345.700.631
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	6.524.850.251	64.277.979.529	16.085.654.288	476.035.772	87.364.519.840
Khấu hao trong kỳ	1.114.705.024	22.762.341.943	3.082.082.633	372.285.501	27.331.415.101
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.119.733.037)	-	-	(3.119.733.037)
Giảm khác	-	-	(3.613.007)	-	(3.613.007)
Tại ngày 31/12/2018	7.639.555.275	83.920.588.435	19.164.123.914	848.321.273	111.572.588.897
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	8.613.743.804	38.284.847.765	7.310.926.083	659.948.051	54.869.465.703
Tại ngày 31/12/2018	8.784.950.380	35.265.886.065	8.404.430.921	317.844.368	52.773.111.734

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 8.784.950.380 VND – Xem thêm mục 4.19.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.062.150.996 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Nguyên giá	1.412.657.734	464.600.000	107.769.280	1.769.488.454
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.279.052.782)	(95.673.755)	(44.260.280)	(1.330.466.257)
Giá trị còn lại	133.604.952			439.022.197

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.217.929.640 VND.

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Nguyên giá	7.839.499.083	6.095.962.643	-	13.935.461.726
Giá trị hao mòn lũy kế	(217.763.863)	(3.459.827.839)	-	(3.677.591.702)
Giá trị còn lại	7.621.735.220			10.257.870.024

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công trình văn phòng Hà Nội	27.079.955.621	45.612.757
Dự án Pegasuite I	2.083.962.597	-
Dự án Viva Riverside	444.105.336	-
Dự án Chung cư Tân Bình	397.796.296	184.141.508
Dự án Solar	-	964.547.959
Dự án Vision	-	921.274.862
Dự án Opal Garden	-	360.982.348
Khác	731.528.140	634.330.595
Cộng	30.737.347.990	3.110.890.029

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Quyền sử dụng đất	7.940.892.634	8.317.535.762
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.121.004.373	2.587.332.608
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.296.234.571	1.680.148.749
Chi phí thuê dịch vụ, thiết bị	5.569.716.721	4.184.414.077
Các khoản khác	11.491.718.894	8.331.128.074
Cộng	32.419.567.193	25.100.559.270

Trong đó, quyền sử dụng đất tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 7.940.892.634 VND – Xem thêm mục 4.19.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Polaris Technologic Pty Ltd	59.643.750.506	59.643.750.506	3.416.504.000	3.416.504.000
Công ty Cổ phần Công nghệ ELITE	21.350.212.471	21.350.212.471	2.030.098.140	2.030.098.140
Công ty TNHH Azbil Việt nam	15.347.232.962	15.347.232.962	15.347.232.962	15.347.232.962
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Trí Nam	14.150.660.800	14.150.660.800	2.065.566.640	2.065.566.640
Cisco International Limited	13.365.690.272	13.365.690.272	12.338.218.637	12.338.218.637
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1	8.842.624.087	8.842.624.087	32.765.508.708	32.765.508.708
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	3.319.793.717	3.319.793.717	12.565.697.702	12.565.697.702
Ban khách hàng tổ chức doanh nghiệp - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	2.310.310.312	2.310.310.312	1.039.434.582	1.039.434.582
Specialised Products (Western) Ltd	-	-	42.598.393.781	42.598.393.781
Công ty TNHH Kỹ thuật Tự động Cửu Long	-	-	12.571.383.499	12.571.383.499
Phải trả cho các đối tượng khác	77.494.821.676	77.494.821.676	77.602.039.554	77.602.039.554
Cộng	215.825.096.803	215.825.096.803	214.340.078.205	214.340.078.205

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Phong Vũ	6.225.639.300	-
Công ty TNHH Quản lý Bay Miền Nam - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	3.922.882.946	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	3.168.206.000	9.542.618.000
Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	2.679.374.410	-
Công ty TNHH Quản lý Bay Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	2.660.058.230	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	-	3.698.299.754
Công ty Cổ phần Giải trí Và Thể thao Điện tử Việt Nam	858.818.326	2.112.161.834
Công ty TNHH Liên Doanh Sun Ivy	-	1.030.119.552
Các đối tượng khác	16.444.121.349	5.863.703.912
Cộng	35.959.100.561	22.246.903.052

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018		Phải nộp trong năm VND	Đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	17.343.100.691	319.166.933.350	332.848.073.313	-	3.661.960.728
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	26.141.342.856	26.141.342.856	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.234.490.078	1.347.607.091	3.485.880.527	1.175.025.343	271.241.985
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.481.637.415	4.413.644.723	4.879.834.357	-	1.015.447.781
Khác	-	3.528.360.253	5.466.533.368	5.552.681.409	-	3.442.212.212
Cộng	-	23.587.588.437	356.536.061.388	372.907.812.462	1.175.025.343	8.390.862.706

4.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13, lương bổ sung năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí tương ứng với doanh thu dự án đã thực hiện	5.637.131.286	12.786.652.106
Chi phí phải trả khác	492.990.375	738.867.256
Cộng	6.130.121.661	13.525.519.362
Dài hạn:		
Phải trả cho chủ đầu tư tòa nhà	127.219.542	188.299.108
Cộng	127.219.542	188.299.108

4.17. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Cung cấp dịch vụ Internet cho Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng	3.968.610.749	4.460.000.000
Nhận trước tiền thuê thiết bị từ Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán	1.068.560.606	-
Nhận trước tiền thuê thiết bị từ Công ty TNHH Một Thành Viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	968.231.320	549.734.718
Khác	67.413.999	128.413.999
Cộng	6.072.816.674	5.138.148.717

4.18. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	1.387.152.770	1.132.366.511
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	515.460.000	541.630.000
Tiền bảo hiểm còn phải trả	25.791.716	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông khác	5.355.694.999	3.813.488.775
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.686.703.233	7.289.839.486
Cộng	9.970.802.718	12.777.324.772

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2018		Trong kỳ		Tại ngày 31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	258.099.836.486	258.099.836.486	732.280.340.199	679.662.209.586	310.717.967.099	310.717.967.099
Vay đối tượng khác	300.000.000	300.000.000	20.274.259.476	19.015.974.750	1.558.284.726	1.558.284.726
Vay dài hạn đến hạn trả	3.881.057.424	3.881.057.424	3.109.234.312	3.881.057.424	3.109.234.312	3.109.234.312
Cộng	262.280.893.910	262.280.893.910	755.663.833.987	702.559.241.760	315.385.486.137	315.385.486.137
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
Nợ thuế tài chính	7.839.499.083	7.839.499.083	6.095.962.643	6.821.714.846	7.113.746.880	7.113.746.880
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3.881.057.424)	(3.881.057.424)	(3.109.234.312)	(3.881.057.424)	(3.109.234.312)	(3.109.234.312)
Cộng	3.958.441.659	3.958.441.659	2.986.728.331	2.940.657.422	4.004.512.568	4.004.512.568
Tổng cộng	266.239.335.569	266.239.335.569	758.650.562.318	705.499.899.182	319.389.998.705	319.389.998.705

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 5,8%/năm đến 10,9%/năm đối với VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty mẹ với giá trị còn lại lần lượt là 8.784.950.380 đồng và 7.940.892.634 đồng – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.11;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Nợ thuế tài chính dài hạn là các khoản vay theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuế Tài Chính Quốc Tế Việt Nam có thời hạn 3 năm, lãi suất 7,5%/năm.

Vay đối tượng khác là khoản vay cá nhân kỳ hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2017	84.879.070.000	(1.533.333.333)	885.751.532	21.344.848.934	8.998.049.290	114.574.386.423			
Tăng vốn năm trước	5.120.930.000	1.533.333.333	(394.240.280)	394.246.947	5.366.660.000	12.020.930.000			
Lãi trong năm trước	-	-	-	24.717.020.379	1.969.520.083	26.686.540.462			
Chia cổ tức	-	-	-	(15.278.150.500)	(2.573.333.000)	(17.851.483.500)			
Trích quỹ	-	-	400.000.000	(400.000.000)	-	-			
Giảm thuế TNDN phải nộp năm 2015, 2016 (*)	-	-	-	3.317.537.512	-	3.317.537.512			
Tăng/Giảm khác	-	-	-	932.181.851	(1.024.408.201)	(92.226.350)			
Tại ngày 01/01/2018	90.000.000.000	-	891.511.252	35.027.685.123	12.736.488.172	138.655.684.547			
Tăng vốn trong năm nay	8.999.060.000	-	-	-	2.350.000.000	11.349.060.000			
Lãi trong năm nay	-	-	-	11.636.363.048	2.122.731.412	13.759.094.460			
Chia cổ tức	-	-	-	(17.999.060.000)	(3.170.552.349)	(21.169.612.349)			
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-			
Sử dụng quỹ	-	-	(573.585.969)	-	-	(573.585.969)			
Tăng khác	-	-	122.214.487	70.005.872	-	192.220.359			
Tại ngày 31/12/2018	98.999.060.000	-	3.440.139.770	25.734.994.043	14.038.667.235	142.212.861.048			

Trong năm, Tập đoàn phát hành thêm cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHCD-2018 và 08/NQ-ĐHCD-2018 ngày 24 tháng 04 năm 2018. Theo đó, Tập đoàn đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với số tiền là 8.999.060.000 đồng (tương đương 899.906 cổ phiếu) với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn. Việc phát hành cổ phiếu này đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xác nhận kết quả phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2018.

(*) Ngày 23 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn nhận được công văn trả lời số 12630/CT-TTHT của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế TNDN kể từ kỳ tính thuế năm 2015. Theo đó, Tập đoàn được hoàn nhập số thuế TNDN đã nộp tương ứng cho năm tài chính 2015 và 2016 đã nộp thừa với số tiền là 3.317.537.512 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	17.162.670.000
Cổ đông khác	80.120.130.000	72.837.330.000
Cộng	98.999.060.000	90.000.000.000

4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	90.000.000.000	84.879.070.000
Vốn góp tăng trong năm	8.999.060.000	5.120.930.000
Vốn góp cuối năm	98.999.060.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.999.060.000	15.278.150.500

4.20.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.899.906	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.899.906	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.899.906	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.5. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	11.636.363.048	24.717.020.379
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.636.363.048	24.717.020.379
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.426.531	9.899.906
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.234	2.497

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	23.433,42	41.961,08

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	721.944.262.594	776.515.226.749
Doanh thu cung cấp dịch vụ	259.804.236.082	195.634.284.642
Doanh thu khác	2.362.407.725	1.454.342.836
Cộng	984.110.906.401	973.603.854.227
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	420.000.000	-

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	744.448.727.533	707.192.279.586
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	100.957.292.908	103.047.320.043
Khác	1.091.249.459	1.190.335.319
Cộng	846.497.269.900	811.429.934.948

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.042.659.326	1.548.872.772
Lãi chênh lệch tỷ giá	232.123.953	250.933.493
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	280.323.460	109.160.664
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	496.353.663
Cộng	3.555.106.739	2.405.320.592

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	19.988.975.869	15.819.258.340
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.189.256.829	471.732.286
Chi phí tài chính khác	50.551.164	36.103.785
Cộng	21.228.783.862	16.327.094.411

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lương nhân viên	19.893.150.555	23.538.551.751
Chi phí đồ dùng văn phòng	841.461.913	630.722.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	163.252.897	6.384.283.395
Chi phí bảo hành	557.683.198	500.943.494
Chi phí Pre-sales	1.582.613.167	2.051.643.950
Chi phí phát hành, gia hạn thư bảo lãnh	-	568.096.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.678.621.090	4.603.072.327
Chi phí bằng tiền khác	8.967.887.638	11.823.310.131
Cộng	35.684.670.458	50.100.624.175

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	52.419.123.690	53.724.137.533
Chi phí vật liệu quản lý	2.136.305.825	2.226.189.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.084.018.425	2.485.563.679
Thuế, phí và lệ phí	379.834.558	335.399.837
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	2.969.622.224	2.673.322.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.033.325.253	9.056.646.945
Chi phí bằng tiền khác	10.501.350.699	6.949.912.978
Cộng	79.523.580.674	77.451.173.003

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	9.437.585.964	4.763.957.828
Thu phạt hợp đồng	-	354.922.218
Thu nhập khác	2.705.267.980	5.376.690.612
Cộng	12.142.853.944	10.495.570.658

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	749.950.064.680	686.671.982.050
Chi phí nhân công	72.756.227.943	77.372.698.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.883.303.687	27.959.771.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.353.744.911	124.572.176.728
Chi phí khác bằng tiền	28.762.179.811	22.405.103.581
Cộng	961.705.521.032	938.981.732.126

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty trong Tập đoàn.

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.175.133.512	3.008.529.145
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	172.473.579	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.347.607.091	3.008.529.145

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	15.204.979.397	29.695.069.607
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	507.725.135	1.069.370.286
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(57.840.841)
Thu nhập không bị tính thuế	<u>(7.759.624.792)</u>	<u>(2.183.984.003)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	7.953.079.740	28.522.615.049
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%	13.535.376.904	27.231.807.733
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20%	4.174.202.630	4.560.268.998
Lỗ không tính thuế	<u>(9.756.499.794)</u>	<u>(3.269.461.682)</u>
Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%	1.353.537.691	2.723.180.774
Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20%	834.840.526	912.053.800
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm (50%) theo đối với doanh nghiệp Khoa học Công nghệ	(340.292.986)	-
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm cho thu nhập từ dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung	(672.951.719)	(626.705.429)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>1.175.133.512</u>	<u>3.008.529.145</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ;
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ;
- Các khoản phạt thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	758.650.562.318	623.223.019.777

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(698.678.184.336)	(545.958.199.112)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Công ty liên kết
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 4.3:		

Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	462.000.000	-
----------------------------------	-------------	---

Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:		

Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	420.000.000	-
----------------------------------	-------------	---

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Góp vốn:		

Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	2.400.000.000	-
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	400.000.000	-

Cộng	5.860.000.000	-
-------------	----------------------	----------

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	13.252.636.978	11.472.442.530

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	216.578.400	243.473.000

10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.109.234.312	3.881.057.424
Trên 1 năm đến 5 năm	4.004.512.568	3.958.441.659
Cộng	7.113.746.880	7.839.499.083

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.497	2.855
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.497	2.855

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Tập đoàn trình bày lại lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu từ việc phát hành 899.906 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHCĐ-2018 và 08/NQ-ĐHCĐ-2018 ngày 24 tháng 04 năm 2018.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	100.000.000	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	9.374.640.000	9.474.640.000

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính hiện hành.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
Người lập

